

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HSPT

Ngày: 29/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Thẩm phán: ông Dương Viết Hải và ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo: Nguyễn Văn T cùng đồng bọn, do có kháng cáo về phần hình phạt của hai bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày: 20/6/1989 tại tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn N; Sinh năm: 1968; Con bà: Nguyễn Thị M; Sinh năm: 1970; Ông, bà đều làm ruộng và trú tại: thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Anh chị em ruột: Có 04 anh em, T là con đầu, chưa có vợ con; Tiền án: 05 tiền án.

- Bản án số 20/2011/HSST ngày 18/3/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 152/2011/HSST ngày 19/8/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 18/3/2011, Thoan phải chấp hành hình phạt chung hai bản án là 02 năm tù.

- Bản án số 39/2013/HSST ngày 27/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 23/2014/HSPT ngày 26/3/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phúc thẩm y án sơ thẩm về hình phạt.

- Bản án số 02/2014/HSST ngày 20/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 26/3/2014 Thoan phải chấp hành hình phạt chung hai bản án là 05 năm 06 tháng tù.

- Bản án số 53/2019/HSST ngày 25/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, xử phạt 36 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" và "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Đồng Hới cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Văn N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/10/1985 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn C (Đã chết); Con bà: Phạm Thị H; Sinh năm: 1949; Nghề nghiệp: Nội trợ; Hiện trú tại: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Vợ: Lê Thị T; Sinh năm: 1976; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Hiện trú tại: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2005 nhỏ sinh năm 2016; Anh chị em ruột: Có 06 anh em, N là con thứ 05.

Tiền án: 04 tiền án.

- Bản án số 86/2009/HSST ngày 15/9/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 15 tháng tù tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 18/2010/HSST ngày 04/02/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 15/9/2009 buộc Ninh chấp hành 30 tháng tù.

- Bản án số 17/2012/HSST ngày 22/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 19/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt với Bản án ngày 22/3/2012 buộc Ninh phải chấp hành 27 tháng tù.

- Bản án số 66/2021/HSST ngày 30/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 79/2021/HSPT ngày 13/12/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/3/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Hới xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", đã thi hành xong án phí. Ngày 12/6/2003 bị Công an Thị xã Đồng Hới xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi Gây rối trật tự công cộng, đã chấp hành. Ngày 26/11/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Hới xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt với Bản án ngày 12/3/2003 buộc N phải chấp hành 13 tháng tù, thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn đến ngày 09/2/2005 ra trại, đã thi hành xong án phí. Ngày 21/3/2005 bị Công an thị xã Đồng Hới xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đã thi hành xong. Ngày 05/3/2019 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, đã thi hành xong. Ngày 11/01/2021 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đồng Hới, đến ngày 25/7/2023 chuyển Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị hại và người làm chứng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2023 Nguyễn Văn T đến Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình để thăm bạn đang chấp hành án. T gặp vợ chồng chị Lê Thị Th và anh Lê Thanh D cũng đến thăm con trai đang bị tạm giam. Trong lúc nói chuyện, T biết được gia đình chị Th muốn xin cho con trai là Lê Văn L được chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình nên nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền. Để tạo lòng tin, T nói trước đây đã đi tù và có quen biết cán bộ quản giáo tên là “Tr” làm Trưởng phân trại khu tự giác của Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Nếu gia đình có nguyện vọng đề L được chấp hành án tại đây thì T sẽ giúp. Chị Th tin tưởng và xin số điện thoại của T để hai bên liên lạc.

Ngày 21/4/2023 chị Th nhắn tin tới số điện thoại 0918.883.708 của T với nội dung :“O mẹ của L dưới trại tạm giam, còn 20 ngày nữa đi trại rồi, cháu cho số điện thoại ông trưởng trại cho gì với để chạy cho em, kể em đau chân lao động không nổi nhờ cháu giúp đỡ với”, “Cháu có rảnh giúp o với, kể gia đình chỉ được chắc mình nó, lại tai nạn đau chân nữa, trăm sự nhờ cháu, có chi nhắn tin cho O với nghe cháu”. Ngày 22/4/2023 chị T tiếp tục nhắn tin: “Sắp xếp ngày mai buổi

chiều", "Cháu có đi không giúp cho o với hi" thì T nhấn lại: "Dạ để cháu hẹn họ mai cho o gặp. Mai cháu nghỉ cháu sẽ đi giúp o", "Việc của em thế nào thì cháu cũng đã nói rõ với họ rồi. Họ nhận lời giúp em ở lại đó luôn rồi", "Mai o chuẩn bị tiền mặt sẵn sàng đó là xong việc luôn", "Ở đó thì không có việc gì nặng, chỉ có nhặt rau, quét lá, gom rác chỉ rửa thôi o", "Nấu nướng ăn uống hằng ngày thì mình tự cải thiện được nói chung là sướng hơn đi trại lớn nhiều o nờ", "Tiền thì họ nói gia đình chuẩn bị 30 triệu, nếu gặp thì gặp riêng đó o". Chị T đồng ý và hẹn chiều ngày 23/4/2023 gặp cán bộ "Tr" để đưa tiền và xin số điện thoại của "Tr" để liên lạc, T cho chị Th số điện thoại 0947487.825 của T và nói dối là số của cán bộ "Tr", mục đích để giả làm cán bộ "Tr" nhắn tin cho chị Th. Sau đó, Th đến gặp Trần Văn N nhờ N đóng giả cán bộ "Tr" để chị Th tin tưởng đưa tiền cho T, N đồng ý làm theo sự bàn bạc của T.

Khoảng 15 giờ ngày 23/4/2023, chị T cùng anh D đến quán Cà phê Sài Gòn ở phường Đồng H mang theo 10.000.000 đồng để đưa cho Tr. T đến quán trước nói chuyện với vợ chồng chị Th, N đến sau. T giới thiệu N với vợ chồng chị Th rằng đây là cán bộ "Tr", Trưởng phân trại khu tự giác Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. N nói với chị Th là sẽ lo cho L làm mấy việc nhẹ như nhặt rau, gom rác. T giả vờ nói với N: "Chừ trăm sự nhờ anh, làm ở đó giúp đỡ thằng em của em với", N trả lời: "Yên tâm để đó có anh". Khi thấy vợ chồng chị Th đã tin tưởng, N đứng dậy về trước. Chị Th lúc này đã tin tưởng nên đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng và nói T cầm trước để lo việc cho L và sẽ đưa thêm. T nói với chị Th: "Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn O nờ" mục đích để chị Th hiểu và đưa đủ số tiền 30.000.000 đồng cho T. Nghe vậy chị Th nói sẽ cố gắng để sớm đưa đủ số tiền còn lại. T lấy 10.000.000 đồng cất giữ rồi ra về. Đến 19 giờ 08 phút ngày 23/4/2023, chị Th nhắn tin đến số 0918.883.708 của T hỏi: "Đưa cho họ chưa cháu?", T nhắn trả lời: "Dạ cháu đưa rồi O" nhằm mục đích để tạo thêm sự tin tưởng cho chị Th.

Khoảng 19 giờ 46 phút ngày 27/4/2023, T gặp N rồi bàn bạc với nhau để N dùng số điện thoại 0947.487.825 giả làm cán bộ "Tr" gọi cho chị Th với nội dung là L bị kỷ luật nên việc xin ở lại sẽ khó hơn, cần thêm tiền để gặp xin các lãnh đạo. N đồng ý và gọi điện cho chị Th nói: "Em xem hồ sơ thì thấy L có bị kỷ luật nên việc xin sẽ khó hơn, chị chuẩn bị thêm ba đến bốn triệu để em nước nôi với các sếp rồi xin cho L được dễ dàng hơn", chị Th trả lời: "Chừ chị không có nữa, em nói 30 triệu chứ chị trước đưa 10 triệu rồi chừ chị lo được đúng 20 triệu đây nữa thôi, có chi nhờ em giúp chị với". Sau đó chị Th cúp máy và nhắn tin lại vào số 0947.487.825 mục đích nhờ "Tr" giúp đỡ: "Gia đình quá khổ, không chạy cho con thì đau chân, chạy thì đi mượn khó khăn quá, mong chú giúp đỡ cho anh chị với nghe". T cầm máy giả là cán bộ "Tr" nhắn lại: "Ok chị, đã là người nhà của Bin (ý là T) thì em cũng cố gắng hết khả năng của em. Chị và gia đình yên tâm". Chị Th lúc này lo lắng nên xin hẹn gặp T để đưa tiền, T đồng ý.

Do đã hẹn trước với T và cán bộ “Tr”, khoảng 17 giờ ngày 28/4/2023, vợ chồng chị Th đến quán cà phê Thạch Thảo ở phường Đồng Hải ngồi đợi. T vào trước, N đến sau. Chị Th nói viết giấy nhận tiền để làm tin thì N nói: “Nếu chị không tin tưởng thì em nói Bin trả lại 10.000.000 đồng cho chị”. T nói: “O yên tâm đi, cháu nhận của o để cháu giúp, nếu không được thì cháu trả lại tiền cho o”. Nghe vậy chị Th đưa 20.000.000 đồng cho N thì N từ chối và nói: “Có chi tiền bạc thì chị cứ đưa cho Bin, có chi Bin về trao đổi với em sau”, chị Th đưa 20.000.000 đồng cho T. Sau khi thấy T đã nhận tiền thì N lấy lý do bận công việc về trước. T ngồi lại nói chuyện với vợ chồng chị T để tạo thêm lòng tin rồi một lúc sau thì ra về. Khoảng 30 phút sau, T đến nhà đưa cho N 2.500.000 đồng để cảm ơn. Đến 21 giờ 24 phút cùng ngày, chị Th nhắn tin vào số điện thoại 0947.487.825 hỏi “Tr” là T đã đưa 20.000.000 đồng chưa thì T nhắn tin trả lời chị Th: “Dạ ok rồi chị”. Sau đó, T vẫn giữ liên lạc với chị Th cho đến ngày 09/5/2023 thì vứt số điện thoại 0918.883.708 để cắt liên lạc với chị Th. Số tiền có được, T đã tiêu xài hết. Ngày 12/5/2023 chị Th biết L chuyển chấp hành án tại Trại giam Nghĩa An - Bộ Công an, tỉnh Quảng Trị mới biết bị các đối tượng trên lừa đảo nên đến Công an thành phố Đồng Hới trình báo sự việc.

Tại Bản cáo trạng 102/VSK- P3 ngày 14 tháng 9 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án số 102/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T, 27 (hai bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 23/6/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N, 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 23/6/2023.

Ngày 06 và ngày 12/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N khai và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của án sơ thẩm và vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N, Hội đồng xét xử thấy:

Hai bị cáo đã thừa nhận dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của bị hại số tiền 30.000.000đ. T đang có 05 tiền án, N đang có 4 tiền án nên cả hai bị cáo thực hiện hành vi lần này thuộc tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS.

Đối với Nguyễn Văn T là người chủ động thực hiện mọi hành vi phạm tội, chủ động làm quen, liên hệ với bị hại, đưa ra nhưng thông tin để làm cho bị hại tin tưởng, đưa tiền, sau khi lấy được tiền T đưa cho N 2.500.000 đồng trong tổng số 30.000.000 đồng, vai trò của T cao hơn và tích cực hơn N. Cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có thành tích trong việc cứu người đuối nước được Ủy ban nhân dân xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn N với vai trò thấp hơn, chỉ là giúp sức, do T là người rủ N và N chỉ làm theo sự chỉ đạo của T, khi chiếm đoạt được tiền thì T chỉ cho N 2.500.000 đồng. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét cho bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có bố vợ được tặng Huân huy chương, bà nội của vợ là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 nên được áp dụng điều 54 BLHS, cấp sơ thẩm cho bị cáo N hình phạt dưới khung là đã xem xét, quyết định hình phạt cho bị cáo có phần nhẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo T có xuất trình thêm giấy xác nhận bị cáo từng cứu thêm 1 người khác bị nạn, Huy chương kháng chiến hạng nhất của ông Ngoại bị cáo, đây cũng là tình tiết giảm tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên hình phạt áp dụng cho bị cáo T ở cấp sơ thẩm đã tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận

đơn kháng cáo của hai bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T và Trần Văn N. Vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với hình phạt của hai bị cáo.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Hai bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn N kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T, **27 (hai bảy)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 23/6/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N, **15 (mười lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 23/6/2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (29/11/2023).

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CQĐT; VKS; TAND TP Đồng Hới;
- Bị cáo;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn